

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 50/SZL-DA ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Khu công nghiệp Long Thành và kèm theo hồ sơ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, địa chỉ tại Đường số 5, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Long Thành có địa chỉ tại xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Long Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tam An và xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600649539 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 18/8/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 7 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3600649539.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp.

Ngành nghề được phép thu hút vào Khu công nghiệp như sau: Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao; sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; sản xuất phụ

tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; công nghiệp chế biến, chế tạo khác; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích: 486,91 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày 11..... tháng 5..... năm 2023 đến ngày 10..... tháng 5..... năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần (bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 46/GXN-TCMT ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tổng cục Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 204/GP-BTNMT ngày 03 tháng 12 năm 2021

của Bộ Tài nguyên và Môi trường) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Lưu: VT, KSONMNT, G9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày 11. tháng 5. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các khu chức năng.
- Nguồn số 02: Nước thải của các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải là rạch Bà Chèo thuộc địa phận xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Rạch Bà Chèo, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ mũi chiếu 3°):
X: 1195245,04; Y: 407273,79.

- Điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được thả ra hồ hoàn thiện sau đó xả ra kênh dẫn (tên địa phương còn gọi là rạch Nhum), đổ ra rạch Bà Chèo và sông Đồng Nai theo phương thức tự chảy, xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải vào điểm đầu nối: Liên tục 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6-9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		
4	COD	mg/l	60,75		
5	Amonia (tính theo N)	mg/l	4,05		
6	$\text{BOD}_5 (20^{\circ}\text{C})$	mg/l	24,3		
7	Tổng N	mg/l	16,2		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9	Asen	mg/l	0,04		
10	Màu	Pt/Co	50		
11	Thủy ngân	mg/l	0,004		
12	Chì	mg/l	0,081		
13	Cadimi	mg/l	0,04		
14	Crom (VI)	mg/l	0,04		
15	Crom (III)	mg/l	0,162		
16	Đồng	mg/l	1,62		
17	Kẽm	mg/l	2,43		
18	Niken	mg/l	0,162		
19	Mangan	mg/l	0,405		
20	Sát	mg/l	0,81		
21	Tổng Xianua	mg/l	0,0567		
22	Tổng phenol	mg/l	0,081		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
24	Sunfua	mg/l	0,162		
25	Florua	mg/l	4,05		
26	Clo dư	mg/l	0,81		
27	Clorua	mg/l	405		
28	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3.000		
29	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,04		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243	01 năm/lần	
33	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

Nước thải (từ các nguồn số 01 và số 02) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Mô đun 01: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bồn trung gian → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý →

Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 02: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bồn trung gian → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 03: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 04: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR (A/B, C/D) → Bể trung gian → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2/3/4 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế (tổng công suất của 04 mô đun): 25.000 m³/ngày (mô đun 01, 02 và 03 công suất 5.000 m³/ngày/mô đun; mô đun 04 công suất 10.000 m³/ngày).

- Hóa chất sử dụng: Polymer, javen, phèn nhôm, khử màu DWB, than (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Sau hồ hoàn thiện, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền dữ liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai để quản lý, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 bể điều hòa chung cho 4 mô đun có thể tích khoảng 7.000 m³ để hỗ trợ chứa nước khi nước thải đầu vào biến động lưu lượng, nồng độ.

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích khoảng 35.225 m³.

- Đã xây dựng 01 hồ hoàn thiện thể tích khoảng 8.520 m³ để hỗ trợ khi hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố.

- Quá trình hoạt động, Công ty lấy mẫu phân tích nước thải đầu ra sau mỗi mô đun và trước khi thải ra môi trường nhằm kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống. Trường hợp phát hiện mô đun nào có sự cố sẽ dừng hoạt động ngay và điều tiết nước thải sang các mô đun khác, sau khi khắc phục sẽ cấp nước thải để hệ thống hoạt động xử lý bình thường.

Ngoài ra, nước thải sau xử lý từ hồ hoàn thiện xả thải ra môi trường tiếp tục được giám sát quan trắc tự động, liên tục. Trường hợp phát hiện nước thải không đáp ứng quy định sẽ dừng xả thải ra môi trường và toàn bộ nước thải được đưa quay về bể tiếp nhận sau đó chảy vào bể điều hòa chung, hồ sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý

để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận	
			Doanh nghiệp dệt nhuộm	Doanh nghiệp khác
1	Nhiệt độ	°C	40	35
2	pH	-	5 - 10	5 - 10
3	Độ màu (pH = 7)	Pt/Co	175	100
4	BOD ₅	mg/l	100	100
5	COD	mg/l	300	300
6	TSS	mg/l	100	100
7	As	mg/l	0,041	0,041
8	Hg	mg/l	0,004	0,004
9	Pb	mg/l	0,081	0,081
10	Cd	mg/l	0,041	0,041
11	Cr ⁶⁺	mg/l	0,041	0,041
12	Cr ³⁺	mg/l	0,162	0,162
13	Cu	mg/l	1,62	1,62
14	Zn	mg/l	1,00	1,00
15	Ni	mg/l	0,162	0,162
16	Mn	mg/l	0,405	0,405
17	Fe	mg/l	0,81	0,81
18	CN ⁻ (Xianua)	mg/l	0,057	0,057
19	Phenol	mg/l	0,081	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20	20
21	Cl ₂	mg/l	0,81	0,81
22	Tổng PCBs	mg/l	0,00243	0,00243
23	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243	0,243
24	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	0,0405
25	S ²⁻	mg/l	2	2
26	F ⁻	mg/l	4,05	4,05
27	Cl ⁻	mg/l	405	405
28	N-NH ₃	mg/l	10	20
29	N tổng	mg/l	30	40
30	P tổng	mg/l	10	10
31	Coliform	vị khuẩn/ 100 ml	-	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,10	0,10
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Đã hoàn thành việc thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo Công văn số 9163/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Đồng Nai.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lăng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140 /GPMT-BTNMT ngày 11. tháng 5. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 01.
- Nguồn số 02: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 02.
- Nguồn số 03: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 03.
- Nguồn số 04: Hầm đặt bom mô đun 04.
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng số 02.
- Nguồn số 07: Máy phát điện dự phòng số 03.
- Nguồn số 08: Máy phát điện dự phòng số 04.
- Nguồn số 09: Máy phát điện dự phòng số 05.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1195452,464; Y = 408026,906.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1195507,695; Y = 408054,397.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1195602,896; Y = 408072,885.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1195624,579; Y = 408009,153.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1195451,066; Y = 408034,289.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1195451,066; Y = 408034,289.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1195506,057; Y = 408068,779.
- Nguồn số 08: Tọa độ X = 1195398,169; Y = 408042,893.
- Nguồn số 09: Tọa độ X = 1197337,025; Y = 409867,071.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ mũi 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy thổi khí được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày 11. tháng 5. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	78
2	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	12
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	19 02 06	492
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1.272
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	540
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	444
Tổng cộng			2.838

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	182.000
Tổng cộng		182.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	29,2
Tổng cộng		29,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích thiết kế: 15 m² và 03 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa diện tích thiết kế: 500 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được chứa trong các thùng có nắp đậy và được đặt tại các khu vực phát sinh chất thải và thuận tiện cho việc thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14.0 /GPMT-BTNMT ngày 11. tháng 5. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỤ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 900/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Long Thành” và Quyết định số 427/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án điều chỉnh “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Long Thành” tại xã Tam An và xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; không còn hạng mục và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định pháp luật.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Công ty sử dụng 05 máy phát điện dự phòng tương ứng phát sinh 05 dòng khí thải. Các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng dầu là DO), chỉ xả thải khi hoạt động; không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

